

THƠ TỰ DO CỦA DƯ THỊ HOÀN, PHAN HUYỀN THƯ

Trịnh Phương Dung¹

TÓM TẮT

Thơ là một thể loại văn học có phạm vi phổ biến rộng và sâu, tác động đến người đọc bằng sự nhận thức cuộc sống với những liên tưởng, tưởng tượng phong phú. Thơ là phương tiện trữ tình có thể biểu đạt tâm lý, cảm xúc con người một cách dễ dàng nhất nhờ tính chất đặc trưng của nó. Ở giai đoạn sau thời kì đổi mới (1986) đến nay, thơ ca Việt Nam có sự thay đổi đáng kể và có nhiều thành tựu, đặc biệt ở thể thơ tự do. Bài viết tập trung phân tích những đặc trưng cơ bản của thể thơ tự do trong sáng tác của hai tác giả nữ Dư Thị Hoàn và Phan Huyền Thư về các phương diện hình thức, kết cấu và ngôn ngữ.

Từ khóa: *Thơ tự do, hình thức, kết cấu, ngôn ngữ.*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Thơ là thể loại văn học ra đời từ rất sớm. Trong văn học Việt Nam, từ trung đại, cận đại đến hiện đại, bên cạnh sự phát triển mạnh mẽ của văn xuôi, thơ là thể loại có nhiều thành tựu. Văn học Việt Nam ngày càng có những thay đổi rõ rệt cả về quan niệm nghệ thuật và phương pháp sáng tác. Từ hướng ngoại, phục vụ cho công tác tuyên truyền cách mạng, văn học ngày càng đi sâu vào thế giới nội tâm con người với nhiều thể loại phong phú. Nhờ cốt lõi trữ tình, thơ có thể biểu đạt tâm lý, cảm xúc con người một cách dễ dàng. Từ giai đoạn sau thời kì đổi mới (1986) đến nay, thơ ca Việt Nam có sự thay đổi đáng kể và có nhiều thành tựu, đặc biệt là thể thơ tự do. Trong đó, thơ tự do của Dư Thị Hoàn và Phan Huyền Thư để lại nhiều dấu ấn trên các phương diện hình thức, kết cấu và ngôn ngữ.

2. NỘI DUNG

2.1. Khái lược về thơ tự do

2.1.1. Hình thức và kết cấu thơ tự do

Trong lịch sử văn học, thơ tự do nảy sinh và phát triển thường gắn với những chuyển biến lớn về ý thức, tâm lý con người. Ở Việt Nam, kể từ sau Cách mạng tháng Tám, qua hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, thơ tự do đã trở thành hình thức chủ yếu của thơ Việt Nam đương đại [12]. Cùng với sự vận động của xã hội, thơ tự do dần có những đổi mới, đáp ứng nhu cầu biểu đạt tâm lý ngày càng phong phú, phức tạp của con người.

Thơ tự do ra đời từ nhu cầu phản ánh những khía cạnh mới của cuộc sống qua lăng kính của người nghệ sĩ sáng tác. Từ góc nhìn của người nghệ sĩ, những câu thơ theo niêm luật không thể phản ánh đầy đủ những cảm xúc đa dạng, phong phú trước cuộc sống. Vì

¹ NCS. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội

vậy, nhà thơ bắt buộc phải tháo gỡ những cấu trúc thơ truyền thống, tìm tòi và sáng tạo những hình thức thơ mới tự do hơn. Do vậy, thơ tự do là thể loại không bị ràng buộc bởi những quy tắc định trước nào như thơ cách luật về số dòng, số chữ, niêm, đối, vần..., khá gần với thơ văn xuôi nhưng là thơ phân dòng.

Thơ tự do không theo một thể thức nhất định, có thể là *hợp thể* với cách kết hợp các đoạn thơ làm theo thể khác nhau; hoặc *phá khổ*, nghĩa là không theo khổ 4 dòng, 6 dòng đều đặn mà đan xen các câu thơ dài ngắn khác nhau [12]. Mạch thơ có thể liên tục hoặc ngắt thành từng khổ với số dòng không nhất định. Ngay trong mỗi khổ thơ, dòng thơ thì số chữ có thể nhiều ít khác nhau. Câu thơ tự do có thể mở rộng làm nhiều dòng, sắp xếp theo bậc thang hoặc cách quãng để thể hiện dụng ý nghệ thuật của người viết. Có thể thấy rất rõ điều này trong đoạn kết bài thơ *Với Lênin* của Tố Hữu:

Và chiều nay trước phút vội đi xa

Người còn nghe

thánh thót

Krupxkaia

Độc trang sách

“Tình yêu cuộc sống” [6]

Nhiều khi, tác giả kéo dài câu thơ bằng lối xuống dòng, không viết hoa chữ đầu dòng, tạo ra những câu thơ dài theo chiều dọc. Cách cấu trúc này có ý nghĩa biểu đạt hơn hẳn một câu thơ ngắn. Trong *Người thủy thủ và con chim én*, Tế Hanh cũng đã vận dụng rất thành công lối viết này:

Người thủy thủ

nhìn mặt trời sắp tắt

thấy lòng mình biển cháy mênh mông

ngày mai đây

ngày chiến đấu sau cùng

các anh sẽ về miền Nam yêu quý. [3]

Cách cấu trúc và hình thức biểu hiện của thơ tự do vô cùng phong phú và đầy chất sáng tạo nhưng vẫn mang đầy đủ những đặc trưng cơ bản của thơ trữ tình. Đó là tính hình tượng, tính truyền cảm và tính cá thể hóa, xuất phát từ những rung động sâu thẳm trong tâm hồn nhà thơ trước cuộc đời.

2.1.2. Ngôn ngữ trong thơ tự do

Ngôn ngữ là tài sản chung, là phương tiện giao tiếp chung của cả cộng đồng xã hội. Theo M. Gorki, ngôn ngữ là yếu tố đầu tiên của văn học. Văn chương là nghệ thuật của ngôn từ, cho nên ngôn ngữ trong văn chương nói chung, trong thơ ca nói riêng mang những đặc trưng riêng biệt. Ngôn ngữ trong thơ ca vừa mang giá trị nghệ thuật, vừa có tính hình tượng, uyển chuyển và biến hóa linh hoạt với các biện pháp tu từ. Ngôn ngữ trong thơ nói chung và trong thơ tự do nói riêng là ngôn ngữ được sử dụng với mọi phương tiện biểu hiện của lời nói, nhịp, vần, ngữ điệu, các biện pháp tu từ để sáng tạo hình tượng nghệ thuật.

Tiếng Việt thuộc loại hình ngôn ngữ đơn lập, nên trong thơ Việt Nam, tính nhạc thường được biểu hiện ở sự cân đối, trầm bổng, nhịp nhàng và trùng điệp. Tuy nhiên đối với thơ tự do, tính nhạc không còn đóng vai trò quan trọng. Thơ tự do không chấp nhận lối tư duy cũ với cách diễn đạt sáo mòn. Các nhà thơ hiện đại có xu hướng sử dụng hệ thống từ ngữ mới lạ, đa dạng và phong phú, mang tính cách tân trong việc miêu tả âm thanh, hình ảnh, màu sắc. Những khái niệm trừu tượng, siêu thực cũng xuất hiện nhiều trong thơ tự do:

*tiếng ghi ta nâu
bầu trời cô gái ấy
tiếng ghi ta lá xanh biết mấy
tiếng ghi ta tròn bọt nước vỡ tan
tiếng ghi ta ròng ròng
máu chảy*

(*Đàn ghi ta của Lor-ca* - Thanh Thảo) [9]

Thơ tự do là một thể loại trữ tình đặc biệt mà ở đó, ngôn ngữ được vận dụng linh hoạt, sáng tạo, không bị ràng buộc về vần điệu, không hạn định câu chữ. Chính nhờ điều này, thơ tự do chiếm được ưu thế hơn hẳn các thể loại thơ khác trong việc diễn tả những cảm xúc tự nhiên, phóng túng, những rung động bất ngờ của con người trước đời sống.

2.2. Hình thức và ngôn ngữ đặc trưng trong thơ tự do của Dư Thị Hoàn, Phan Huyền Thư

2.2.1. Hình thức ngắt nhịp

Từ giai đoạn sau 1975, các thể thơ truyền thống giảm dần, thơ tự do trở nên chiếm ưu thế và dần trở nên quen thuộc. Các nhà thơ thời hiện đại tìm thấy ở thể loại này một chân trời rộng rãi để thể hiện những ý tưởng sáng tạo. Mạch thơ tự do của Dư Thị Hoàn trôi chảy tự nhiên, bộc lộ những suy tư trăn trở của một người phụ nữ cuộc đời nhiều truân chuyên:

*Anh ca tụng em
Mà em ớn lạnh
Như giọt nước mắt chị ấy tuôn chảy
Anh ơi
Anh mãi mãi là mặt trời
Của người vợ đáng thương ấy
Lẽ ra trên thế gian này
Đừng nên có em*

(*Chị ấy* - Dư Thị Hoàn) [5]

Những bài thơ viết theo thể này thường rất linh hoạt, dài ngắn bất ngờ, thể hiện những suy nghĩ vừa sinh động vừa lắng đọng sâu xa của nhà thơ. Phan Huyền Thư cũng để lại dấu ấn sâu đậm với những bài thơ tràn ngập nỗi buồn của cái tôi cô đơn hiện đại. Nỗi buồn day dứt ấy được bộc lộ bằng cách ngắt nhịp đầy sáng tạo, in đậm dấu ấn riêng:

*Đêm.
Tôi vẫn ngồi trên ngọn cây
câu hò hững hờ lặng im
chỉ còn lại trong tôi chiếc đồng hồ tiềm thức
rung nhịp đập
từng tiếng vọng triền miên...
Tích tắc
Tích
Tắc*

(Câu hò hững - Phan Huyền Thư) [11]

Và nhiều khi là nỗi đau của cái tôi bản thể với những băn khoăn về đời, về người, về nghiệp chữ:

*Tôi sập mặt vũng
ngôn ngữ đang chết trên cánh đồng
gieo vắn
Gốc rễ nên nổi lười hái cùn
Tôi khóc sứ mệnh
mầm tuyên thệ hạt
Vô sinh*

(Giấc mơ của lười - Phan Huyền Thư) [10]

Thơ tự do mang tính sáng tạo cao, luôn tìm tòi những hình thức phong phú đa dạng để thể hiện trung thành nhất những rung động chân thật, mang bản sắc riêng biệt của người cầm bút. Những câu thơ của Dư Thị Hoàn và Phan Huyền Thư như mạch cảm xúc tuôn chảy tự nhiên phóng khoáng với cách ngắt nhịp mới lạ, hình thức câu thơ bậc thang được sử dụng khá nhiều:

*Ta nhận ra con
bởi vòng hào quang
ai oán
một đêm với côi
động mùa
sao rụng
rơi trắng*

(Nghịệp chương thi ca - Dư Thị Hoàn) [5]

Thơ tự do phong phú về hình thức, các nhà thơ hiện đại luôn tìm kiếm cách sử dụng câu chữ táo bạo, nhiều hình ảnh và tiết tấu mới lạ. Có khi câu thơ ngắt làm ba bậc, thể hiện sự dừng dưng, thản nhiên mà cũng ngập tràn niềm đau của nhân vật trữ tình trong tình yêu:

Tuổi trẻ

vừa trút bỏ xiêm y

nằm thiêm thiếp trên giường

Đã không cánh mà bay...!!!

(Kẻ trộm - Phan Huyền Thư) [11]

Với hình thức nhả chữ và lối ngắt nhịp đột ngột, thơ tự do của Phan Huyền Thư mở ra một vùng tâm thức với những yêu ghét, cô đơn, thất vọng về con người và cuộc đời. Những suy tưởng đôi khi có hơi hướng siêu hình, siêu thực, là sự chiêm nghiệm của cá nhân nhà thơ trước hiện thực đời sống, bộc lộ niềm tự hào bản ngã, ý thức độc lập của cái tôi bản thể trước cuộc đời:

*Ngày mười
chín tháng
hai năm Nhâm
Tý
tôi
được độc lập
với mẹ
bằng sợi dây
rón
cắt đứt cơ thể
vết
Sẹo làm người*

(*Sẹo độc lập* - Phan Huyền Thư) [11]

Khả năng biểu hiện của thơ tự do rất lớn, bởi nó không lệ thuộc vào bất cứ quy tắc truyền thống nào như các thể thơ dân tộc. Cách ngắt nhịp, nhả chữ, tạo hình câu thơ của Dư Thị Hoàn và Phan Huyền Thư tạo nên khả năng diễn đạt sâu của từng từ, nhóm từ cả về nội dung và hình thức. Khi đó, ý thơ được nhấn mạnh hơn, đồng thời cũng làm cho câu thơ tăng thêm nhạc điệu và sức gợi hình gợi cảm.

2.2.2. Đặc trưng ngôn ngữ tiêu biểu

Ngôn ngữ là ký hiệu được mã hóa và mỗi nhà thơ có cách mã hóa ngôn ngữ khác nhau. Mỗi bài thơ hay ra đời là một lần tác giả đã tạo ra một giá trị mới cho ngôn ngữ. Theo Zhirmunski, “*Thơ là nghệ thuật của từ, lịch sử thơ ca là lịch sử ngôn từ*”. Các tác giả nữ như Dư Thị Hoàn, Phan Huyền Thư là những nhà thơ có nhiều đóng góp cho quá trình đổi mới thơ hiện nay với sức sáng tạo đặc biệt trên “cánh đồng chữ”.

Thơ hiện đại nói chung ít sử dụng ngôn từ hoa mỹ, lời thơ gần với ngôn ngữ nói chứ không lệ thuộc gò ép bởi vần điệu. Ngôn ngữ thơ Dư Thị Hoàn và Phan Huyền Thư đơn giản, đời thường, rất giàu giá trị gợi hình, thể hiện cảm xúc một cách tinh tế, đa phần đề cập đến những vấn đề cốt lõi của nhân sinh, của kiếp người: “*Tất cả đều biến dạng/ Méo mó/ Mọi người đều hóa hình/ Quái gở - Người ta tung tiền vào đây/ Cốt để phá lên cười/ Cười khoái trá/ Cười rũ rượi/ Cười quên hết sự đời - Còn tôi/ Tình nguyện vào đây/ Để khóc/ Không chỉ cho một mình tôi*” (Nhà cười - Dư Thị Hoàn) [5]; là những trăn trở đi tìm lời giải đáp cho những câu hỏi muôn thuở về cõi đời, cõi người, về cõi vô biên, về bản ngã: “*Tôi tìm thấy tôi rồi/ một vô danh lặng lẽ/ một mặc định/ một ám chi/ một khát khao/ đau/ một im lặng/ thật thà*” (Hoang mang - Phan Huyền Thư).

Thơ tự do của Dư Thị Hoàn và Phan Huyền Thư có rất nhiều sáng tạo mới mẻ trong cách thể hiện từ ngữ và câu chữ, để ý thơ tuôn chảy tự nhiên theo mạch cảm xúc. Có những bài thơ sử dụng các “khoảng trống” đòi hỏi người đọc trở thành đồng tác giả để nắm bắt được thông điệp mà nhà thơ muốn truyền tải, đồng thời khơi gợi những liên tưởng phong phú đa dạng trong tâm hồn người đọc: “*Nhét thêm vào vài chiếc kẹo vào túi quần/ (những lời nói dối cũng được bọc cẩn thận/ trong lớp giấy trắng thiếc, rồi được gọi/ bằng một từ nhiều âm vang tiếng nhạc/ là sô-cô-la) và một bó (chẳng lẽ lại không) hoa/ miêng ngậm chiếc vé đã book sẵn cho mình/ từ trong mơ. Tôi nhận ra ngay chỗ ngồi/ cạnh cửa sổ/ K h o a n g m â y*” (Chuyến bay - Phan Huyền Thư) [11]. Đôi khi những khoảng trống ấy khơi gợi nỗi niềm khắc khoải về bản ngã, nhất là khi nhà thơ tạo hình những ký tự của một từ, nhưng không đặt trên cùng một dòng, và in đậm từ ngữ chứa khoảng trống: “*Rồi ai cũng phải tự/ làm vệ sinh cá nhân từng chữ cái/ t ê n m ì n h*” (Hoang mang - Phan Huyền Thư) [11]. Bên cạnh đó, những câu thơ ngắn từ một chữ đến hai, ba chữ xuất hiện nhiều, đem lại hiệu quả nghệ thuật đặc biệt: “*Vậy là người cũng về đến suối/ cười/ suối ngân lệ GIẢI OAN*” (Ghi trong sổ tang nhà thơ Lê Đạt - Phan Huyền Thư) [11]. Lời thơ ngắn nhưng chất chứa nỗi niềm xót xa, lớp nghĩa ẩn sau câu chữ, sau cách nói ngược: “*Cũng may cho mẹ/ Không có lấy một mụn con gái/ Để rồi đến lúc phải cắt nghĩa ba chữ này*” (Của hồi môn - Dư Thị Hoàn) [5]. Những câu thơ ngắn gợi âm, gợi hình, phơi bày sự ám ảnh và hoài nhớ vô thức trong nội tâm, mang hơi hướng của chủ nghĩa siêu thực: “*Tích tắc/ Tích/ Tắc/ Tiếng kêu/ siết chặt tôi vào/ sát na nhật thực/ mặt trăng hòa vào mặt trời hoan lạc...*” (Câu hò hững - Phan Huyền Thư) [11]; “*Một ngày qua đời/ đầm lầy vô cảm/ cái chết phục sinh ngày mới/ mặt trời biến thể gian thành một cõi/ nhảm chán/ đơn điệu đến nỗi/ mỗi ngày tự tìm/ một cách quên sinh*” (Thực dụng hư vô - Phan Huyền Thư) [11].

Ngôn ngữ đời sống và ngôn ngữ văn học luôn có sự khác biệt. Theo Gorki, ngôn ngữ nhân dân là tiếng nói “nguyên liệu”, còn ngôn ngữ văn học là tiếng nói đã được những người thợ tinh xảo nhào luyện. Thơ tự do của Dư Thị Hoàn sử dụng những hình ảnh, ngôn ngữ đời thường mộc mạc để gửi gắm nỗi niềm tâm sự, những khao khát được chia sẻ yêu thương đầy chất nhân bản, nhân văn: “*Tôi sẽ khỏi bệnh/ Lại dịu dàng hát bên chiếc khung thêu ngày ấy/ Không cần bác sĩ/ Không cần những viên thuốc đắt tiền/ Chỉ cần đôi bàn tay nào run rẩy mang đến/ Một nhành hoa dại thôi!*” (Trong bệnh viện tâm thần - Dư Thị Hoàn) [5]. Còn với Phan Huyền Thư, ngôn ngữ “nhân dân” đi vào thơ thành những hình ảnh đầy tính ẩn dụ tượng trưng, nói lên nỗi khắc khoải của cái tôi cô đơn trên hành trình kiếm tìm hạnh phúc: “*Tôi chèo buồn giữa đại dương đam mê/ đón đợi bão trong tâm miên thất hứa/ kiếm tìm ngọn hải đăng chung thủy/ phó mặc hải âu dẫn dụ/ miền lạc lối/ phù du*” (Đại dương - Phan Huyền Thư) [11].

Ngôn từ là chất liệu xây dựng nên hình tượng văn học. Thơ là tiếng nói của tình cảm, trái tim người nghệ sĩ. Nỗi niềm, tâm trạng ấy được diễn tả đặc sắc hay không đa phần phụ thuộc vào cách lựa chọn ngôn ngữ. Nhờ ngôn ngữ, nhà thơ tài hoa sẽ sáng tạo nên những hình ảnh mới mẻ với cách diễn đạt mang dấu ấn cá nhân. Thơ là biến ngôn ngữ thông thường hàng ngày trở thành nghệ thuật. Khai thác ngôn ngữ toàn dân, Dư Thị Hoàn và Phan Huyền Thư đã làm được điều đó.

3. KẾT LUẬN

Thơ là thể loại văn học có phạm vi phổ biến rộng và sâu, tác động đến người đọc bằng sự nhận thức cuộc sống, những liên tưởng, tưởng tượng phong phú. Thơ ca là tấm gương phản chiếu tâm hồn, là tiếng nói của tình cảm con người, những rung động của trái tim trước cuộc đời. Sáng tác của hai cây bút nữ Dư Thị Hoàn và Phan Huyền Thư hầu hết là thể thơ tự do với hình thức nhà chữ, ngắt nhịp đặc sắc và ngôn ngữ đa dạng, giàu sắc thái. Đó thực chất là khát vọng đổi mới chính mình, đổi mới thi ca của người nghệ sĩ. Cả Dư Thị Hoàn và Phan Huyền Thư đều đã tự mình khơi nguồn mạch mới, khai phá những lối đi riêng trên con đường thi ca. Họ chính là những nhà thơ - phụ nữ đã và đang góp phần giữ gìn, phát triển, hiện đại hóa thơ ca Việt Nam đương đại.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Việt Chiến (2007), *Thơ Việt Nam - tìm tòi và cách tân, 1975 - 2005*, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội.
- [2] Lý Đợi (2003), *Phan Huyền Thư - ngọn cây tìm nổi cô đơn trên trời*, Tạp chí Tia sáng, tháng 01/2003.
- [3] Tế Hanh (1960), *Tiếng sóng*, Nxb. Văn học, Hà Nội.
- [4] Đào Duy Hiệp (2003), *Lao động và nỗi buồn trong tập thơ “Năm nghiêng” của Phan Huyền Thư*, phụ bản Thơ, Báo Văn nghệ (Số 6).
- [5] Dư Thị Hoàn (1988), *Lối nhỏ*, Hội Văn học Nghệ thuật Hải Phòng.
- [6] Tố Hữu (1961), *Gió lộng*, Nxb. Văn học, Hà Nội.
- [7] Nguyễn Bá Thành (1996), *Tư duy thơ và tư duy thơ hiện đại Việt Nam*, Nxb. Văn học, Hà Nội.
- [8] Nguyễn Bá Thành (2015), *Toàn cảnh thơ Việt Nam 1945-1975*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
- [9] Thanh Thảo (1985), *Khối vuông rubic*, Nxb. Tác phẩm mới, Hà Nội.
- [10] Phan Huyền Thư (2002), *Năm nghiêng*, Nxb. Văn học, Hà Nội
- [11] Phan Huyền Thư (2014), *Sẹo độc lập*, Nxb. Lao động, Hà Nội.

THE FREE VERSES BY DU THI HOAN, AND PHAN HUYEN THU

Trinh Phuong Dung

ABSTRACT

Poetry, the popular genre of literature, influences readers with vivid imagination about the awareness of life. A poem is a romantic instrument which can effectively express human's mentality and emotion due to its distinctive characteristics. Since the innovative

period of 1986, Vietnam's poetry has experienced significant changes, and achieved many remarkable successes, especially in the free verses. This article will concentrate on analyzing the featured characteristics of the free verses in terms of form, structure, and the language usage in Du Thi Hoan's and Phan Huyen Thu's works.

Keywords: *Free verses, form, structure, language.*